



**CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH MIỀN TRUNG**

Số: 52/ TB-CTMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 4 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư TDP Liên Vinh, phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn thuộc MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt tại Quyết định số 11659/QĐ-UBND ngày 12/10/2021

I. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:

- Tên tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 268 đường Nguyễn Trãi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

II. Người có tài sản: UBND thị xã Nghi Sơn;

Địa chỉ: Số 01 Lê Thế Sơn, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

III. Tài sản đấu giá:

* Là quyền sử dụng đất, gồm 48 lô đất khu dân cư TDP Liên Vinh, phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn thuộc MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được UBND thị xã Nghi Sơn phê duyệt tại Quyết định số 11659/QĐ-UBND ngày 12/10/2021.

- Tổng diện tích khu đất đấu giá: 5.967,43 m².
- Diện tích từng lô: từ 111 m²/lô đến 223.97 m²/lô.
- Giá khởi điểm từng lô: Từ 777.000.000 đồng/lô đến 1.881.348.000 đồng/lô.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

1. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Giao lâu dài.

2. Hình thức đấu giá: Đấu giá theo hình thức bỏ phiếu kín gián tiếp, đấu 01 (một) vòng duy nhất.

3. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

4. Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá:

a. Đối tượng tham gia đấu giá:

+ Người được đăng ký tham gia đấu giá là cá nhân theo quy định tại Khoản 1, Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và có đủ điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 125 Luật Đất đai năm 2024.

b. Điều kiện tham gia đấu giá:

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 và Điều 38 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

- Có phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định, trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá.

- Mỗi cá nhân có thể đăng ký tham gia đấu giá nhiều lô đất nhưng phải nộp tiền phí hồ sơ tham gia đấu giá và tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia.

5. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung (hoặc có thể ủy quyền theo quy định của pháp luật).

6. Phí tham gia đấu giá: 100.000 đồng và 200.000 đồng/ 01 hồ sơ.

(Hồ sơ đã mua không được đổi, không được trả lại)

7. Tiền đặt trước: từ 155.400.000 đồng đến 376.269.600 đồng/1 bộ hồ sơ.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Khách hàng đăng ký mức tiền đặt trước nào thì chỉ được đấu giá ở lô cùng mức tiền đặt trước đó.

8. Thời gian xem tài sản đấu giá:

+ Tại mặt bằng khu đất đấu giá;

+ Từ ngày 11/6/2025 đến ngày 13/6/2025 (trong giờ hành chính).

9. Thời gian tham khảo hồ sơ, bán hồ sơ: (Trong giờ hành chính) Từ 07 giờ 30 phút ngày 5/6/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 18/6/2025 tại UBND phường Tĩnh Hải và tại Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung.

10. Thời gian tiếp nhận hồ sơ:

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 5/6/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 18/6/2025 tại Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung.

- Từ 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 18/6/2025 tại UBND phường Tĩnh Hải.

Hồ sơ bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá;

- Bản phô tô Căn cước công dân;

11. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 5/6/2025 đến 16h30 ngày 18/6/2025.

+ Tên tài khoản: Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung;

+ Số tài khoản: 3530 23867 8888 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh số 2, Nam Thanh Hóa.



Nội dung nộp tiền khách hàng phải ghi: **[Họ tên khách hàng đăng ký tham gia đấu giá]- Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất tại phường Tĩnh Hải (Ví dụ: Lê Văn A nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá QSD đất tại phường Tĩnh Hải).**

12. Thời gian, địa điểm, phương thức nộp phiếu trả giá:

- Trong giờ hành chính từ 08 giờ 00 phút ngày 18/6/2025 đến 16 giờ 30 phút ngày 18/6/2025.

- Địa điểm: UBND phường Tĩnh Hải.

- Phương thức nộp: Phiếu trả giá được gửi qua đường bưu chính hoặc được nộp trực tiếp và được tổ chức đấu giá tài sản bỏ vào thùng phiếu. Thùng phiếu phải được niêm phong ngay khi hết thời hạn nhận phiếu.

- Người tham gia đấu giá trực tiếp ghi đầy đủ các nội dung vào phiếu trả giá rồi bỏ vào phong bì được bọc bằng chất liệu bảo mật, dán kín và ký vào các mép dán của phong bì. Trong thời gian tiếp nhận phiếu trả giá, người tham gia đấu giá bỏ phiếu vào thùng phiếu theo hướng dẫn của Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung.

- **Lưu ý:** + Khách hàng nộp tiền đặt trước mới được nộp phiếu trả giá.

13. Thời gian, địa điểm tổ chức buổi công bố giá quyền sử dụng đất:

- Thời gian: Vào 08 giờ 00 ngày 21/6/2025.

- Địa điểm: Tại Hội trường UBND phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

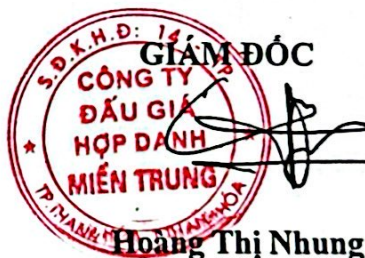
Mọi chi tiết khách hàng nghiên cứu trong hồ sơ hoặc liên hệ: Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung – địa chỉ: 268 Nguyễn Trãi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, ĐT: 0912 339 808.

Kính Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải Thông báo này lên Cổng thông tin điện tử Tỉnh.

Thông báo này thay cho giấy mời tham gia đấu giá!

Nơi nhận:

- Báo Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá;
- Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị xã Nghi Sơn (B/c);
- Đài Truyền thanh thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường Tĩnh Hải;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Lưu Cty.



**PHỤ LỤC GIÁ KHỞI ĐIỂM CÁC LÔ ĐẤT ĐỀ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT KHU DÂN CƯ TDP LIÊN VINH,
PHƯỜNG TỈNH HẢI, THỊ XÃ NGHI SƠN**

STT	Lô số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Tổng giá khởi điểm (đồng/lô)	Phí hồ sơ	Tiền đặt trước đăng ký đấu giá	Ghi chú
Khu CL- A							
1	CL- A: 01	113.28	7,000,000	792,960,000	100,000	158,592,000	
2	CL- A: 02	113.35	7,000,000	793,450,000	100,000	158,690,000	
3	CL- A: 03	118.18	8,400,000	992,712,000	100,000	198,542,400	Đầu ve
4	CL- A: 04	120.60	7,000,000	844,200,000	100,000	168,840,000	
5	CL- A: 05	120.82	7,000,000	845,740,000	100,000	169,148,000	
6	CL- A: 06	121.03	7,700,000	931,931,000	100,000	186,386,200	Mặt thoáng
7	CL- A: 07	122.03	7,700,000	939,631,000	100,000	187,926,200	Mặt thoáng
8	CL- A: 08	122.24	7,000,000	855,680,000	100,000	171,136,000	
9	CL- A: 09	122.46	7,000,000	857,220,000	100,000	171,444,000	
10	CL- A: 10	120.82	7,000,000	845,740,000	100,000	169,148,000	
11	CL- A: 11	121.94	7,000,000	853,580,000	100,000	170,716,000	
12	CL- A: 12	137.28	8,400,000	1,153,152,000	200,000	230,630,400	Đầu ve
Khu CL- B							
13	CL- B: 01	223.97	8,400,000	1,881,348,000	200,000	376,269,600	Đầu ve
14	CL- B: 02	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
15	CL- B: 03	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
16	CL- B: 04	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
17	CL- B: 05	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
18	CL- B: 06	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
19	CL- B: 07	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
20	CL- B: 08	120.00	7,700,000	924,000,000	100,000	184,800,000	Mặt thoáng
21	CL- B: 09	120.00	7,700,000	924,000,000	100,000	184,800,000	Mặt thoáng
22	CL- B: 10	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
23	CL- B: 11	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
24	CL- B: 12	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	

STT	Lô số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Tổng giá khởi điểm (đồng/lô)	Phí hồ sơ	Tiền đặt trước đăng ký đấu giá	Ghi chú
25	CL- B: 13	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
26	CL- B: 14	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
27	CL- B: 15	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
28	CL- B: 16	120.00	7,000,000	840,000,000	100,000	168,000,000	
29	CL- B: 17	133.50	8,400,000	1,121,400,000	200,000	224,280,000	Đầu ve
Khu CL- C							
30	CL- C: 01	137.65	8,400,000	1,156,260,000	200,000	231,252,000	Đầu ve
31	CL- C: 02	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
32	CL- C: 03	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
33	CL- C: 04	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
34	CL- C: 05	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
35	CL- C: 06	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
36	CL- C: 07	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
37	CL- C: 08	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
38	CL- C: 09	111.00	7,000,000	777,000,000	100,000	155,400,000	
39	CL- C: 10	163.49	8,400,000	1,373,316,000	200,000	274,663,200	Đầu ve
Khu CL- D							
40	CL- D: 01	158.79	8,400,000	1,333,836,000	200,000	266,767,200	Đầu ve
41	CL- D: 02	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
42	CL- D: 03	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
43	CL- D: 04	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
44	CL- D: 05	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
45	CL- D: 06	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
46	CL- D: 07	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
47	CL- D: 08'	126.00	7,000,000	882,000,000	100,000	176,400,000	
48	CL- D: 09	126.00	7,700,000	970,200,000	100,000	194,040,000	Mặt thoáng
TỔNG:		5,967.43		43,700,356,000		8,740,071,200	